

Số: /BC-TTYT

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra chất lượng bệnh viện 06 tháng đầu năm 2025

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê

Căn cứ Kế hoạch số 392/KH-TTYT ngày 20 tháng 03 năm 2025 của Trung tâm Y tế quận Thanh Khê về việc kiểm tra chất lượng bệnh viện quý I năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 773/KH-TTYT ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Trung tâm Y tế quận Thanh Khê về việc kiểm tra chất lượng bệnh viện quý II năm 2025;

Tổ Quản lý chất lượng bệnh viện báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng bệnh viện 06 tháng đầu năm 2025 như sau:

I. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ

1. Nội dung kiểm tra, đánh giá

- Chất lượng Bệnh viện theo Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện Việt Nam phiên bản 2.0 năm 2016 của Bộ Y tế và các tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng bệnh viện.

- Các nội dung chất lượng bệnh viện theo Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2024

- Công tác cải cách hành chính tại các đơn vị thuộc TTYT.

- Công tác khắc phục các tồn tại của đợt tự kiểm tra chất lượng bệnh viện cuối năm 2024.

2. Kết quả

2.1. Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện phiên bản 2.0 năm 2016 (Có bảng tổng hợp phụ lục đính kèm)

Tổng điểm kiểm tra Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện phiên bản 2.0 trong quý II/2025: tổng điểm 276; điểm nhân hệ số 299; điểm trung bình chung của các tiêu chí 3,52 (3,68 năm 2024).

2.2 Nội dung chất lượng bệnh viện theo QĐ 3652/QĐ-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2024 (Có bảng tổng hợp phụ lục đính kèm)

Tổng điểm kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên y tế quý II/2025 theo QĐ 3652/QĐ-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2024 đạt: 783/1000 điểm (đạt 780/1000 điểm năm 2024).

2.3. Công tác cải cách hành chính tại các đơn vị thuộc TTYT.

Các đơn vị thuộc Trung tâm Y tế đã thực hiện quá trình xử lý, quản lý công văn, giấy tờ, văn bản bằng cách áp dụng gửi và nhận thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử EGOV, bước đầu giảm bớt thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm (giấy, mực in).

2.4. Công tác khắc phục các tồn tại của đợt tự kiểm tra chất lượng bệnh viện cuối năm 2024.

Khoa phòng đã cơ bản khắc phục các tồn tại của đợt tự kiểm tra chất lượng bệnh viện cuối năm 2024.

II. ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Đánh giá chung

- Trong 06 tháng đầu năm 2025, Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê (Trung tâm) đã duy trì hoạt động hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ y tế chất lượng tốt cho bệnh nhân, phản ánh sự tin tưởng của người dân vào chất lượng dịch vụ của Trung tâm.

- Các biện pháp đảm bảo an toàn cho bệnh nhân được thực hiện một cách nghiêm túc. Các tiêu chuẩn vệ sinh và phòng ngừa nhiễm khuẩn được tuân thủ chặt chẽ, góp phần giảm thiểu các sự cố y khoa.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế, phần mềm của bệnh viện đã được duy tu bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên cập nhật mới.

- Cơ sở mới khang trang sạch đẹp, thu hút người bệnh đến thăm khám điều trị nhiều hơn.

- Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ y bác sỹ đang được quan tâm thường xuyên liên tục đáp ứng triển khai các dịch vụ kỹ thuật mới, mũi nhọn của Trung tâm.

- Hệ thống quản lý và tổ chức của bệnh viện hoạt động hiệu quả, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận. Quy trình làm việc được tuân thủ nghiêm ngặt, giúp tăng cường hiệu quả hoạt động và giảm thiểu các sai sót.

2. Ưu điểm và nhược điểm

2.1. Ưu điểm

- Khoa phòng chuẩn bị tốt hơn cho công tác kiểm tra 06 tháng đầu năm 2025.

- Đã triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng riêng từng khoa.

- Các khoa có sự sẵn sàng trong công tác cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh.

- Các đơn vị thực hiện công tác chuyển đổi số, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công tác chuyên môn về chất lượng lâm sàng luôn được chú trọng.

- Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh luôn được quan tâm.
- Chất lượng xét nghiệm được đảm bảo. Có đầy đủ trang thiết bị, vật tư thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa, huyết học, vi sinh... Thực hiện nội kiểm, ngoại kiểm xét nghiệm. Các trang thiết bị được bảo trì bảo dưỡng, kiểm định hiệu chuẩn định kỳ theo lịch.
- Các báo cáo ADR của khoa phòng đến khoa Dược kịp thời, đầy đủ, đúng thời điểm theo qui định.
- Quy trình tiếp nhận bệnh nhân nhanh chóng, thông tin bệnh nhân được xử lý một cách chính xác và kịp thời, bệnh nhân không phải chờ đợi lâu.
- An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.
- Tài liệu minh chứng tiêu chí chuẩn bị đầy đủ.
- Các khoa đang triển khai công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, áp dụng nghiên cứu khoa học theo kế hoạch.

2.2. Nhược điểm

a) Phần Hướng đến người bệnh

Môi trường chăm sóc người bệnh: một số khoa vẫn còn tình trạng trang thiết bị chưa được gọn gàng, ngăn nắp (khoa Ngoại-Sản, khoa Nhi). Hoạt động 5S thực hiện chưa chủ động, liên tục và duy trì thường xuyên để phát huy được tối đa hiệu quả hoạt động này. Còn 2 khu vực bị mất sóng wifi.

b) Phần Phát triển nguồn nhân lực bệnh viện

Tỷ lệ tham gia đào tạo 06 tháng đầu năm tại Trung tâm Y tế còn thấp <20%.

Nhân viên khoa Hồi sức-Cấp cứu còn trực 24/24 giờ.

Chưa tuyển dụng đủ số bác sĩ theo đúng đề án vị trí việc làm đã xây dựng.

Chưa tổ chức kiểm tra tay nghề, chuyên môn cho nhân viên y tế.

Chưa tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp cho nhân viên y tế.

Chưa áp dụng thí điểm hình thức chi trả dựa trên kết quả công việc (KPI).

Chưa tiến hành khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho nhân viên y tế.

c) Phần hoạt động chuyên môn

- Hồ sơ bệnh án (HSBA): còn có một số hồ sơ ghi chưa đúng cấu trúc SOAP; Nhận định tình trạng vết thương, mô tả vị trí, kích thước, chưa rõ ràng; Thiếu chữ ký của bác sĩ trong hồ sơ bệnh án (tờ bệnh án, phiếu chỉ định và kết quả xét nghiệm, ký đã xem kết quả tờ điều trị). Tờ điều trị còn để khoảng trống giữa các ngày. Ngưng y lệnh không được viết tắt số không.

- Công nghệ thông tin y tế: Vẫn còn tình trạng nhập sai thông tin hành chính của người bệnh (lỗi sai thông tin hành chính là xuất toán hoàn toàn).

- Hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn: Trang thiết bị, phương tiện làm việc như xe tiêm, thùng rác... chưa được vệ sinh sạch, chưa gọn gàng (khoa Ngoại-Sản, Nội-Truyền nhiễm).

- Phiếu chăm sóc người bệnh trong HSBA: Nội dung nhận định tình trạng bệnh nhân chưa thường xuyên, chưa đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và mục tiêu chăm sóc.

- Hoạt động dinh dưỡng và tiết chế: Góc truyền thông về dinh dưỡng chưa được quan tâm thực hiện tốt ở các khoa lâm sàng và những nơi tập trung nhiều người bệnh, người nhà; chưa thực hiện đầy đủ việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân lúc nhập viện (khoa Ngoại-Sản, Nhi, Nội-Truyền nhiễm); đánh giá chưa đủ các mục (Khoa Hồi sức-Cấp cứu); Các dụng cụ phục vụ công tác khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng: cân, thước đo chiều cao còn thiếu (Khoa ngoại-Sản, Khoa Nội-Truyền nhiễm).

- Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc: Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần chưa để riêng biệt, chưa có khóa đầy đủ tủ thuốc vật tư y tế trực cấp cứu. Nhãn thuốc trong tủ trực của các khoa chưa theo mẫu đã ban hành.

- Áp dụng nghiên cứu khoa học vào cải tiến chất lượng khám chữa bệnh và nâng cao hoạt động bệnh viện đã triển khai thực hiện tại khoa (Khoa Hồi sức-Cấp cứu, Nội-Truyền nhiễm, Nhi, YHCT-PHCN), các khoa còn lại chưa triển khai.

d) Phân hoạt động cải tiến chất lượng

Phòng ngừa các sự cố và khắc phục sự cố được triển khai thực hiện, tuy nhiên các sự cố y khoa gần như sắp xảy ra được ghi nhận còn ít; Lối đi hành lang vào khoa YHCT-PHCN trời mưa, ẩm ướt, dễ té ngã.

e) Phân tiêu chí đặc thù chuyên khoa

- Thiếu nhân lực bác sỹ chuyên khoa sản nên chưa đồng bộ triển khai các kỹ thuật sản khoa.

- Tỷ lệ điều dưỡng được đào tạo về chuyên khoa nhi chưa đạt 50% tổng số điều dưỡng của khoa Nhi.

- Chưa có đơn nguyên sơ sinh.

3. Giải pháp khắc phục

a) Phân hướng đến người bệnh

Rà soát khắc phục về tình trạng về lối đi hành lang vào khoa YHCT-PHCN trời mưa, ẩm ướt, dễ té ngã. Khảo sát và lắp bổ sung thiết bị tăng cường sóng wifi tại các khu vực bị lõm sóng. Tăng cường kiểm tra đột xuất tại các khoa để đảm bảo trang thiết bị, vật dụng được bố trí gọn gàng, ngăn nắp, đúng chuẩn. Đưa 5S vào thi đua khoa/phòng hàng quý để hoạt động này duy trì thực hiện liên tục, hiệu quả.

b) Phân phát triển nguồn nhân lực

Các khoa lập danh sách đăng ký tham gia đào tạo 06 tháng cuối năm, đảm bảo tỷ lệ đạt theo quy định.

Rà soát phân công trực tại Khoa Hồi sức - Cấp cứu, tránh để nhân viên trực 24/24 giờ.

Tiếp tục đề xuất tuyển dụng bổ sung bác sĩ theo đúng đề án vị trí việc làm, đặc biệt chuyên khoa Sản.

Tổ chức kiểm tra tay nghề, chuyên môn cho nhân viên y tế.

Lập kế hoạch tập huấn giao tiếp - ứng xử cho toàn bộ nhân viên y tế.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2025 cho toàn bộ nhân viên y tế.

Có kế hoạch hướng đến chi trả dựa trên kết quả công việc.

c) Phần hoạt động chuyên môn

Hồ sơ bệnh án: Kiểm tra, giám sát việc ghi hồ sơ bệnh án đúng cấu trúc, đúng quy định.

Công nghệ thông tin y tế: Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, thực hiện quét CCCD để kiểm tra thông tin, đảm bảo tính chính xác về thông tin hành chính của người bệnh, hạn chế lỗi xảy ra trong quá trình nhập liệu để dữ liệu KCB được liên thông ngay sau khi kết thúc đợt điều trị, đảm bảo tỷ lệ gửi công giám định và hạn chế tình trạng trùng liên viện khi bệnh nhân khám nhiều cơ sở.

Kiểm soát nhiễm khuẩn: Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hướng dẫn tuân thủ các quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn.

Chăm sóc điều dưỡng: Tập huấn về kỹ năng nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, thiết lập mục tiêu chăm sóc phù hợp từng ca bệnh.

Hoạt động dinh dưỡng : Thường xuyên đi kiểm tra nhắc nhở hướng dẫn các khoa thực hiện đúng quy định. Thực hiện bảng truyền thông đồng bộ trong toàn viện. Rà soát, bổ sung thiết bị thiếu: cân, thước đo chiều cao để phục vụ công tác khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng.

Thuốc - vật tư y tế: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tuân thủ đúng quy định về vị trí để thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần. Nhãn thuốc trong tủ trực của các khoa đúng theo mẫu đã ban hành. Tủ Trữ thuốc vật tư y tế có khóa. Kiểm tra giám sát, thực hiện, tuân thủ các quy định về kê đơn Đơn thuốc đúng.

Nghiên cứu khoa học - cải tiến chất lượng: Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, áp dụng nghiên cứu khoa học trong toàn đơn vị.

d) Phần hoạt động cải tiến chất lượng

Tăng cường truyền thông văn hóa an toàn người bệnh. Nâng cao chất lượng dịch vụ. Đẩy mạnh truyền thông nội bộ về báo cáo sự cố, khuyến khích ghi nhận sự cố gần xảy ra.

e) Phần tiêu chí đặc thù chuyên khoa

Tiếp tục đề xuất tuyển bác sĩ Sản và bố trí hợp lý nhân lực để triển khai kỹ thuật sản khoa đồng bộ.

Lên kế hoạch đào tạo chuyên khoa Nhi cho $\geq 50\%$ điều dưỡng tại Khoa Nhi trong năm 2025.

Rà soát lại cơ sở vật chất, nhân lực đề xuất thành lập Đơn nguyên sơ sinh.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng bệnh viện 06 tháng đầu năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Thanh Khê./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, KHNV.

GIÁM ĐỐC

Võ Duy Trinh

Phụ lục
BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN 06 THÁNG ĐẦU
NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTYT ngày tháng năm 2025 của Trung tâm
Y tế khu vực Thanh Khê)

1. Điểm kiểm tra, đánh giá quý II/2025 theo QĐ số 3652/QĐ-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2024

STT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	Điểm tối đa	Điểm thống nhất
1	Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện	- Nhập đầy đủ thông tin: 30 điểm - Nhập thiếu: 10 điểm - Không nhập: 0 điểm	30 điểm	30
2	Đánh giá chất lượng bệnh viện			
		2.1. Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cơ bản - Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 50 điểm - Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và thiếu bằng chứng minh họa: 20 điểm - Không đạt một tiêu chuẩn bất kỳ: 0 điểm	50 điểm	50
		2.2. Đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện 2.0 - Kết quả đánh giá mức chất lượng nhân với 100 (ví dụ bệnh viện đạt mức 3,44 tương đương 344 điểm)	500 điểm	352 điểm

3	Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế			
		3.1. Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB nội trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100, chia 2 (làm tròn)	50 điểm	49
		3.2. Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB ngoại trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100 chia 2 (làm tròn)	50 điểm	49
		3.3 Chỉ số tỷ lệ hài lòng NVYT quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100 chia 2 (làm tròn)	50 điểm	48
4	Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức tích cực	Triển khai công tác hồi sức tích cực: - Có khoa hồi sức tích cực hoặc thành lập mới đơn vị (khoa, trung tâm) hồi sức tích cực. Đơn vị có ít nhất 3 bác sỹ chuyên khoa cấp cứu, hồi sức tích cực trở lên: 30 điểm - Có ít nhất 2 bác sỹ được đào tạo về hồi sức tích cực từ 3 tháng trở lên: 10 điểm	30 điểm	10 điểm
5	Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế			
		Chuyển đổi số, phát triển CNTT, nâng cao chất lượng KCB		
		5.1. Đặt lịch hẹn khám - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ	30 điểm	30 điểm

		người đến khám sử dụng dưới 50%: 10 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 50% đến 75%: 20 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 75% trở lên: 30 điểm		
		5.2. Triển khai hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa - Có hạ tầng phục vụ hội chẩn từ xa, có kết nối với tuyến trên, tuyến dưới: 5 điểm - Phòng phẫu thuật, thủ thuật có phương tiện phục vụ hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa: 5 điểm - Có thực hiện hội chẩn từ xa, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa theo định kỳ ít nhất 1 lần trong 2 tuần: 10 điểm	20 điểm (tính tổng điểm các mục)	10 điểm
		5.3. Triển khai bệnh án điện tử + Thực hiện tốt, áp dụng hoàn toàn bệnh án điện tử: 30 điểm + Khá, đã áp dụng bệnh án điện tử cho trên 50% module: 20 điểm + Trung bình, bắt đầu triển khai áp dụng: 10 điểm + Kém, chưa triển khai: 0 điểm	30 điểm	0 điểm

		5.4. Công tác chuyển đổi số, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, chuyển viện, hẹn khám lại các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ - Có ki-ốt đăng ký khám bằng căn cước gắn chip điện tử: 5 điểm - Đã thực hiện liên thông dữ liệu phục vụ Đề án 06/CP: 5 điểm - Bảo đảm liên thông giấy chứng sinh, báo tử đầy đủ: 5 điểm - Đã thực hiện lập phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong cho các trường hợp tử vong tại bệnh viện: 5 điểm	20 điểm (tính tổng điểm các mục)	15 điểm
		5.5. Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế trong bệnh viện + Đủ thuốc, vật tư y tế không bị gián đoạn nguồn cung: 30 điểm + Có thiếu, bị gián đoạn dưới 2 tuần trong năm: 20 điểm + Có thiếu, bị gián đoạn dưới 1 tháng trong năm: 10 điểm + Có thiếu, bị gián đoạn từ 1 tháng trở lên: 0 điểm	30 điểm	30 điểm
		5.6. Việc chấp hành pháp luật về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	40 điểm	40 điểm

		a) Công khai giá: + Giá niêm yết công khai, in trên bảng treo, giấy, điện tử... đề tra cứu + Công khai mức chênh lệch (giữa giá theo yêu cầu và BHYT thanh toán) (10 điểm) b) Về lập phương án giá - Đối với dịch vụ do Bộ Y tế quy định giá cụ thể: từ 01/11/2024 các cơ sở mới thực hiện lập Phương án giá và được cấp có thẩm quyền quyết định giá theo Điều 110 của Luật KBCB. Từ 01/11/2024 trở về trước thực hiện Thông tư 21, 22. (10 điểm) - Đối với dịch vụ KBCB theo yêu cầu: + Đã lập Hồ sơ phương án giá, tổ chức thẩm định để Thủ trưởng đơn vị quyết định giá + Thực hiện kê khai giá KBCB theo yêu cầu đầy đủ (10 điểm) c) Việc chấp hành mức giá do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định: - Có thực hiện thu đúng giá niêm yết cho đúng đối tượng (10 điểm) Lưu ý: nếu đạt yêu cầu toàn bộ các nội dung trong		
--	--	---	--	--

		5.6 chấm 10 điểm, không đạt chấm 0 điểm		
		5.7. Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực... + Số giường kế hoạch và thực kê chênh nhau dưới 10%: 20 điểm + Số giường thực kê vượt trên 10% và đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, đạt yêu cầu để phê duyệt bổ sung giường bệnh: 10 điểm + Số giường thực kê vượt trên 10%, hồ sơ thiếu và chưa được phê duyệt: 0 điểm	20 điểm	20 điểm
		5.8. Thực hiện việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật + Báo cáo đúng thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 20 điểm + Báo cáo chậm thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 10 điểm + Không báo cáo, chậm từ 1 tháng trở lên: 0 điểm	20 điểm	20 điểm
6	Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý	Rà soát việc cung cấp thông tin đầy đủ cho các văn bản sau: - Công văn số 567/KCB-QLCL&CDT ngày 16/04/2024 vv Báo cáo hình thức thanh toán viện phí và xin ý kiến thanh	30 điểm (tính tổng điểm 3 công văn)	30

		toán không dùng tiền mặt: 10 điểm - Công văn số 1575/KCB-QLCL&CDT ngày 27/9/2024 vv tham gia góp ý dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện: 10 điểm - Công văn số 1761/KCB-QLCL&CDT ngày 30/10/2024 vv Rà soát việc chấm điểm và tổng hợp kết quả, báo cáo xếp cấp chuyên môn kỹ thuật: 10 điểm		
			1000 điểm	783 điểm

2. Bảng điểm theo bộ tiêu chí 2.0

		PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)									
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV Quý IV	
1	A1.1	4				4				4	
2	A1.2	4				4				3	
3	A1.3	4								4	
4	A1.4								3	3	
5	A1.5	4								4	
6	A1.6							3		3	
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV	
7	A2.1		4	4	4	4	4	4	4	4	
8	A2.2		4	4	4	4	3	3	4	3	
9	A2.3		3	3	3	4	4	4	3	4	
10	A2.4		4	4	4	4	3	3	4	3	
11	A2.5		4	4	4	4	3	4	4	4	
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV	
12	A3.1	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
13	A3.2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV	
14	A4.1		5	5	5	5	5	5	5	5	
15	A4.2		4	4	4	4	4	4	4	4	
16	A4.3		4	4	4	4	4	4	4	4	
17	A4.4										
18	A4.5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
19	A4.6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
		PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)									
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV	
20	B1.1									2	
21	B1.2									2	

42	C4.3	5	5	5	5	5	5	5	5	5
43	C4.4	3	2	3	3	3	3	3	2	3
44	C4.5									Bỏ
45	C4.6									Bỏ
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (6)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV
46	C5.1									Bỏ
47	C5.2	3		3	3		3	3	3	4
48	C5.3	3		3	3	3	3	3	3	4
49	C5.4	4	4	4	4	4		4	4	4
50	C5.5	4	4	4	4	4	4	4	4	4
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (5)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV
51	C6.1	4	4	4	2	4	4	4	4	4
52	C6.2	5	5	5	5	5	4	5	5	5
53	C6.3	4	4	4	4	4	4	4	4	4
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV
54	C7.1		2	2	2	2	2		2	2
55	C7.2		2	2	2	2	2		2	2
56	C7.3		4	4	4	4	4		4	4
57	C7.4		4	4	4	4	4		4	4
58	C7.5		2	2	2	2	2		2	2
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV
59	C8.1							3		3
60	C8.2							3		3
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT-PHCN	XN-CDHA	HSCC	BV
61	C9.1		4	4	4	4	4		4	4
62	C9.2		4	4	4	4	4		4	4
63	C9.3		4	4	4	4	4		4	4
64	C9.4		4	4	4	4	4		4	4
65	C9.5		4	4	4	4	4		4	4
66	C9.6		4	4	4	4	4		4	4

C10. Nghiên cứu khoa học (2)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT- PHCN	XN- CDHA	HSCC	BV
67	C10.1	3	3	3	3	3			3	3
68	C10.2	3	3	3	3				3	4
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)										
D1. Thiết lập hệ thống và xây dựng, triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng (3)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT- PHCN	XN- CDHA	HSCC	BV
69	D1.1	4	3	4	4	4	4	4	4	4
70	D1.2	4	3	4	4	4	4	4	4	4
71	D1.3	4	3	4	4	4	4	4	4	4
D2. Phòng ngừa các sai sót, sự cố và cách khắc phục (2)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT- PHCN	XN- CDHA	HSCC	BV
72	D2.1	3	3	3	3	3	3	3	3	3
73	D2.2	4	4						4	4
74	D2.3									4
75	D2.4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
76	D2.5	4	4	4	4	4	4	4	4	4
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (4)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT- PHCN	XN- CDHA	HSCC	BV
77	D3.1									3
78	D3.2									5
79	D3.3									4
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA (4)										
E1. Tiêu chí sản khoa (3)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT- PHCN	XN- CDHA	HSCC	BV
80	E1.1			2						2
81	E1.2			4						4
82	E1.3			2						3
E2. Tiêu chí nhi khoa (1)		Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT- PHCN	XN- CDHA	HSCC	BV
83	E2.1				2					2

	Mức điểm	Khám	Nội-Truyền nhiễm	Ngoại-Sản	Nhi	LCK	YHCT- PHCN	XN- CDHA	HSCC	BV
Tổng hợp	Mức 5	4	5	5	5	5	4	5	5	6
	Mức 4	12	24	27	25	29	26	14	27	41
	Mức 3	8	14	10	12	10	10	14	12	20
	Mức 2	0	4	5	5	3	3	0	4	10
	Mức 1	0	0	0	0	0	0	0	0	2
	Tổng cộng	24	47	47	47	47	43	33	48	79
	Tổng điểm									276
	Điểm nhân hệ số									299
	Điểm trung bình chung các tiêu chí									3.52

